

Tập 260

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm hai mươi:

(Sớ) Tu Di Tướng giả, Phật tướng vô tận, như Tu Di cố.

(疏)須彌相者，佛相無盡，如須彌故。

(Sớ: Tu Di Tướng: Phật tướng vô tận, như núi Tu Di).

Vị Phật thứ hai trong phương Đông có Phật hiệu là Tu Di Tướng (Mērudhvaja); ba Phật hiệu kế tiếp đều có chữ Tu Di (Sumēru), dụng ý biểu thị pháp hết sức rõ rệt. “*Phật tướng vô tận*”: Không chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Kinh điển gọi [thân tướng có] ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo là Liệt Ứng Thân (劣應身: Ứng thân tương ứng với căn cơ kém cõi), đó là thân thị hiện trong thế giới Sa Bà. Đây đều là thuận theo cái tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng nhận biết của họ. Vì Phật chẳng có tướng, cho nên mới có thể hiện vô tận tướng. Chúng sanh chấp trước tướng của chính mình, nhận thức, chấp chặt cái tướng ấy; do vậy, chẳng thể biến hiện tướng thứ hai. Sai biệt ở chỗ này! Kinh Đại Thừa nói về Báo Thân Phật: “*Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”. Như kinh Hoa Nghiêm tán thán Tỳ Lô Giá Na Phật, kinh Tịnh Độ ca ngợi A Di Đà Phật, đều là vô lượng tướng hảo. Ở đây, Tu Di là tỷ dụ, dưới đây là lời chú giải.

(Sao) Tu Di, thử vân Diệu Cao. Chúng bảo sở thành viết Diệu, huýnh xuất quần sơn viết Cao. Phật chi tướng hảo, bách phước sở thành, vô bất cụ túc, thị chi vị Diệu. Nhân, thiên, Nhị Thừa, cập chư Bồ Tát, tướng hảo giai mạc năng cập, thị chi vị Cao.

(鈔)須彌，此云妙高，眾寶所成曰妙，迴出群山曰高。佛之相好，百福所成，無不具足，是之謂妙；人天二乘，及諸菩薩，相好皆莫能及，是之謂高。

(Sao: Tu Di, cõi này dịch là Diệu Cao. Do các báu hợp thành, nên gọi là Diệu. Vượt trội các núi là Cao. Tướng hảo của Phật do trăm phước hợp thành, không gì chẳng trọn đủ, nên gọi là Diệu. Tướng hảo

của người, trời, Nhị Thừa và các Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng, nên gọi là Cao).

“*Tướng*” do đâu mà có? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Trong kinh luận, đức Phật bảo chúng ta: Tướng của hết thảy chúng sanh do nghiệp lực biến hiện. Tướng đẹp xấu chính là do nghiệp thiện ác, tốt xấu hiện tiền. Người phước báo to lớn vừa nhìn bèn thấy là tướng tốt, phước tướng! Có thể thấy là các thầy xem tướng đoán mạng thường nói: “*Tướng chuyển theo tâm*”. Lời ấy là thật. Tâm thiện, tướng mạo hiền lành. Tâm ác, tướng mạo khiến cho người ta vừa nhìn bèn cảm thấy có chút sợ hãi. Có thể thấy là “*thành u trung*” (lòng thành bên trong), nhất định là “*hình u ngoại*” (tỏ lộ ra hình tướng bên ngoài), chẳng có cách nào giấu diếm! Người thế gian dùng sự thông minh để giấu diếm dấu khéo léo cách mấy, [chỉ] có thể lừa gạt những kẻ ngu, chứ đối với những kẻ giàu kinh nghiệm học vấn, hoặc người có học vấn thật sự, sẽ chẳng có cách nào che giấu, vừa thấy mặt liền hiểu rõ.

Đối với Phật tướng, tuy đức Phật đã thành Phật, nếu Ngài chẳng tu phước, chúng ta ngắm xem, tướng Phật có tốt đẹp hay không? Đương nhiên là tốt đẹp. Vì sao? Đức Phật đã chứng đắc tâm tánh viên mãn, tự tánh là viên mãn, há lẽ nào tướng mạo chẳng viên mãn? Nhưng sau khi đức Phật đã thành Phật, nhất định vẫn dùng thời gian một trăm kiếp để chuyên tu phước, để tu tướng hảo. Cớ gì lại phải làm như thế? Chư vị phải biết: Thấy đều là làm cho chúng sanh thấy, khuyến khích chúng sanh “tu phước là trọng yếu”, đó là lời thật. Nếu chẳng kiến tánh, tướng mạo sẽ do nghiệp lực thiện hay ác biến hiện. Sau khi đã kiến tánh, [tướng mạo] hoàn toàn là do Tánh Đức lưu lộ, khác hẳn! Do vậy có thể biết: Tu phước hết sức trọng yếu; nhất định phải biết tiếc phước và tu phước. Vô lượng vô biên phương pháp tu hành của hàng Đại Thừa Bồ Tát, quy nạp lại sẽ là sáu đại cương lãnh. Kinh Đại Thừa gọi những cương lãnh ấy là Lục Độ (ṣaṭ-pāramitā, Lục Ba La Mật). Đức Phật dạy chúng ta tu học Đại Thừa, xử sự, đãi người tiếp vật đều chẳng thể rời khỏi sáu nguyên tắc ấy. Nương theo đó tu học là tu phước; ở đây nói là “*bách phước sở thành*” (do trăm phước tạo thành). Nương theo phương pháp ấy để tu, thật sự có phước.

Bố Thí (Dāna) là buông xuống. Phương pháp tu hành Lục Độ và phương pháp tu hành bình thường hoàn toàn bất đồng. Nói thật ra, [Lục Độ nhằm dạy] chúng ta giữ tâm lòng như thế nào, xử sự như thế nào trong xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, nguyên tắc là

như vậy đó. Buông xuống là gì? Nói thật ra, thân, tâm, thế giới hết thảy đều phải buông xuống. Buông xuống là đừng để nó vướng mắc trong tâm. Tâm phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải chân thành, phải cung kính, phải từ bi. Những điều ấy đều là Tánh Đức vốn sẵn có trong bản tánh của quý vị. Khi tâm đạt đến thanh tịnh, những đức dụng ấy tự nhiên hiện tiền, cho nên chẳng phải là do học mà có. Như cung kính và từ bi chẳng do học được, chúng từ Tánh Đức tự nhiên lưu lộ.

Nếu trong tâm chúng ta có thứ gì đó, tâm bèn hỏng. Tâm chẳng thể có vật gì. Lục Tổ đại sư đã nói rất hay: “*Vốn chẳng có một vật*”, chân tâm vốn chẳng có một vật. Quý vị thêm vào đó một vật, phàm phu chúng ta không chỉ là một vật, mà trong tâm suy nghĩ loạn xạ, phiền não tầng tầng, lo âu, vướng mắc, cái tâm hỏng be bét mất rồi. Tâm đã hỏng, bệnh tật nơi thân sẽ cả đống, chuyện là như thế đó. Vì thế, trong sự tu học của Bồ Tát, điều thứ nhất là phải buông xuống, phải bỏ thí. Phải buông xuống càng sạch càng hay. Kẻ bình phàm chẳng dám buông xuống, do nguyên nhân nào? Niệm nào cũng đều chấp trước cuộc sống. Ta buông xuống hết, sẽ sống bằng cách nào? Coi những thứ ấy rất nặng, chẳng biết chúng là căn bản của sanh tử luân hồi. Coi trọng căn bản của sanh tử luân hồi dường ấy, làm sao có thể vượt thoát luân hồi cho được? Người thế gian tu hành chẳng thể triệt để, không dám làm!

Chúng ta học Phật, tôi luôn khuyên mọi người trước hết hãy đọc Liễu Phàm Tứ Huân ba trăm lượt, nguyên nhân ở chỗ nào? Nếu thật sự đọc sách ấy ba trăm lượt, nhất định sẽ hiểu rõ: “*Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định trước*”, tự nhiên người ấy dám buông xuống, cũng chịu buông xuống, biết buông xuống là đúng. Trong mạng có, quý vị bỏ kiêu nào vẫn bỏ chẳng được, nó sẽ đến. Trong mạng chẳng có, quý vị cầu kiêu nào cũng cầu chẳng được! Chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Cổ nhân nói: “*Quân tử vui vẻ làm quân tử, tiểu nhân oan uổng làm tiểu nhân*”. Tiểu nhân trộm cắp, cướp đoạt, lừa lọc, có thể đạt được thì vẫn là trong mạng của họ vốn có, quý vị nói xem có oan uổng hay là không? Tạo một thân đầy tội nghiệp! Trong mạng chẳng có, có lừa đảo thì cũng chẳng lừa được! Ta đi lừa kẻ khác, chẳng lừa được. Lừa được là do trong mạng quý vị có, quý vị nói xem: Những điều ấy có phải là oan uổng hay chẳng? Làm một đứa trộm vặt mà ăn trộm hoặc cướp đoạt được, đều là do trong mạng vốn có. Trong mạng chẳng có, quý vị cướp đoạt thử xem, chẳng cướp được gì, ngay lập tức bị cảnh sát thộp cổ,

trong mạng chẳng có mà! Trong mạng đã có thì dù quý vị Bồ thí, bỏ đi, cho bên này, nơi kia bên có người đưa tới!

Đây chính là đạo lý khiến tôi thường khuyên người khác đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, hồng thật sự hiểu rõ “*một hộp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định sẵn*”. Mọi người đều biết sự thật này, đều biết chân tướng này, nhất định sẽ an phận thủ thường, xã hội bèn an tường, hòa hợp, thiên hạ thái bình. Nhất định nỗ lực đoạn ác tu thiện, phước báo của quý vị mỗi ngày một tăng thêm, ai bằng lòng làm ác? Làm ác chỉ gây tổn hại cho phước báo của chính mình, chẳng thể tăng thêm chút nào. Tu thiện tích đức quyết định tăng trưởng phước báo.

Trong kinh Phật, rải rác trong nhiều bộ kinh, đã nói rõ đạo lý và sự thật này, nhưng chẳng được tập trung như trong Liễu Phàm Tứ Huấn, [tất cả ở trong] một tập sách nhỏ, những lý luận và sự thật đều ở cùng một chỗ, rất dễ dàng nhìn thấy. Nhưng tâm ý phàm phu luôn thờ ơ, hời hợt, xem một hai lượt, ấn tượng rất hờ hững, nhạt mông, chẳng thể sanh ra hiệu quả. Liên tục đọc hai ba trăm lượt sẽ khác hẳn, cảm nhận sức mạnh khác hẳn, thật sự lý giải, tự nhiên sẽ khởi tác dụng rất lớn đối với người ấy. Trong Bồ Tát hạnh, nói đến Bồ Thí, đều là tu phước, hết sức quan trọng. Tu tài Bồ thí được của cải, tu pháp Bồ thí được trí huệ, tu vô úy Bồ thí được sống lâu, trường thọ. Tu ba cái nhân ấy, nhất định đắc ba thứ quả báo thù thắng.

Trì giới (Śīla) là vâng giữ pháp tắc, tuân thủ quy củ. Nhẫn nhục (Kṣānti) là kiên nhẫn. Bất luận đối với người hay sự đều phải có lòng kiên nhẫn, có cái tâm thường hằng, có cái tâm dài lâu. Tinh Tấn (Vīrya) là cầu tiến bộ, không ngừng cầu cái tiến, mỗi ngày một đổi mới. Thiền Định (Dhyāna) là trong tâm có chủ tử, chẳng bị cảnh giới bên ngoài nhiễu loạn, dao động; đó là Định, chẳng phải là ngồi Thiền tu Định trong Thiền Đường. Lục Độ vận dụng vào cuộc sống hằng ngày! Bát Nhã (Prajñā) là dùng lý trí, chẳng dùng cảm tình. Sáu nguyên tắc ấy đều sử dụng trong cuộc sống hằng ngày để đối xử với người, với sự, với vật. Đó là tu phước thật sự.

Thành Phật bèn đặc biệt dùng thời gian một trăm kiếp để tu phước, đúng là đã nêu gương cho hết thảy chúng sanh. Vì thế, thành Phật được gọi là Nhị Túc Tôn, phước đức viên mãn, trí huệ viên mãn. Túc (足) có nghĩa là đầy đủ, viên mãn. Hai thứ huệ và phước đều viên mãn, nên gọi là Nhị Túc Tôn. “*Bách phước sở thành, vô bất cụ túc*” (Do trăm phước tạo thành, không gì chẳng trọn đủ). Đó là Diệu (妙). Do vậy có thể biết,

Lục Độ là diệu nhân (妙因: cái nhân mầu nhiệm), vô tận tướng hảo là diệu quả. Tướng ấy không chỉ là diệu tướng, mà còn đầy ấp trí huệ, ngập tràn phước báo. Có phước, có huệ, tướng hảo trang nghiêm. Đó là quả báo, là diệu quả. Người, trời, Nhị Thừa cũng như các vị Bồ Tát tu tập đều chẳng viên mãn, chẳng rốt ráo triệt để như Phật tu được. Vì thế, tướng hảo của Bồ Tát chẳng bằng Phật, trí huệ và phước báo cũng kém Phật một bậc, đạo lý ở ngay chỗ này!

(Sớ) Đại Tu Di giả, Phật đức cao quảng, như đại Tu Di cố.

(疏)大須彌者，佛德高廣，如大須彌故。

(Sớ: Đại Tu Di (Mahāmēru): Phật đức cao rộng, như núi Tu Di to lớn vậy).

Tu Di có nghĩa là Diệu Cao. “*Phật đức cao quảng, như đại Tu Di cố*” (Phật đức cao rộng như Tu Di to lớn vậy), đây là nói theo tỷ dụ.

(Sớ) Nhất vân Phật danh đại ư Tu Di, như Duy Ma trung thuyết.

(疏)一云佛名大於須彌，如維摩中說。

(Sớ: Một thuyết nói là danh hiệu Phật to hơn Tu Di, như trong kinh Duy Ma có nói).

Tức là Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh.

(Sao) Tu Di cao quảng, siêu ư thất kim.

(鈔)須彌高廣，超於七金。

(Sao: Tu Di rộng lớn, vượt trội bảy tòa kim sơn).

“*Thất kim sơn*”¹ là các rặng núi lớn bọc quanh thế giới Sa Bà. Núi Tu Di còn cao hơn chúng. Dùng ý nghĩa Cao để tỷ dụ phước đức của Phật.

¹ Thất Kim Sơn là bảy rặng núi lớn bao quanh núi Tu Di. Những núi ấy đều do chất vàng tạo thành nên có tên như vậy. Tính từ trong ra ngoài, lần lượt là Du Kiện Đạt La (Yugajdhara), Y Sa Đà La (Īsādhara), Khiết Địa Lạc Ca (Khadiraka), Tô Đạt Lê Xả Na (Sudarśana), Át Thấp Phước Yết Noa (Aśvakarna), Tỳ Na Đát Ca (Vintaka), Ni Dân Đạt La (Nimindhara). Cứ giữa hai lớp núi là một biển nước mặn. Ngoài ra, bao quanh bảy núi báu ấy là rặng núi Thiết Vi Kim Cang (Cakkavāḷa).

(Sao) Phật đức cao quảng, vô dĩ vi tỷ, như đại Tu Di dã.

(鈔)佛德高廣，無以為比，如大須彌也。

(Sao: Phật đức cao rộng, không gì sánh bằng, như núi Tu Di to lớn vậy).

Đây là nói theo tỷ dụ.

(Sao) Phật danh giả, Duy Ma kinh vân: “Danh xưng cao viễn, du u Tu Di”.

(鈔)佛名者，維摩經云：名稱高遠，踰於須彌。

(Sao: “Phật danh”, kinh Duy Ma nói: “Danh xưng cao xa, vượt trời Tu Di”).

“Du” (踰) nghĩa là vượt hơn, vượt trời. Đây chính là nói tiếng tăm to lớn của đức Phật, nay chúng ta nói là “nổi tiếng”. Danh tiếng của đức Phật cao trời nhất. Danh hiệu của mỗi vị Phật tận hư không, khắp pháp giới, hết thảy các cõi Phật đều biết. Tiếng tăm của mỗi người trong thế gian đâu to lớn cách mấy, tôi đa bất quá là người trên địa cầu đều biết, nhưng những tinh cầu khác chẳng biết tới! Chẳng như danh xưng của Phật và đại Bồ Tát trọn khắp pháp giới. Đây là tỷ dụ cao vượt Tu Di.

(Sớ) Tu Di Quang giả, Phật quang quảng chiếu, do như Tu Di, ánh tể chúng sanh cố.

(疏)須彌光者，佛光廣照，猶如須彌，映蔽眾生故。

(Sớ: Tu Di Quang (Meruprabhā) là Phật quang rộng chiếu, ví như Tu Di che lấp ánh sáng của chúng sanh).

Quang minh của đức Phật chiếu khắp hết thảy. Thể chất của Tu Di là do bốn báu hợp thành. Chất báu tỏa sáng. Thân Phật có quang minh, toàn thân tỏa quang minh, [quang minh gồm] có thân quang và phóng quang. Quang minh chiếu khắp hết thảy chúng sanh. Tâm Phật bình đẳng, tâm Phật từ bi, chẳng có phân biệt. Chúng sanh làm lành được Phật chiếu; chúng sanh làm ác, Phật cũng chiếu. Chúng sanh trong thiên đường được Phật chiếu, chúng sanh trong địa ngục cũng được Phật chiếu. Phật quang giống như mặt trời, chiếu khắp đại địa. Có những chúng sanh được Phật quang gia trì, phước huệ tăng trưởng. Có những chúng sanh

chẳng thấy Phật quang gia trì, nguyên nhân ở chỗ nào? Chính mình có chướng ngại, [ví như] ánh thái dương chiếu trọn khắp, chính người ấy dùng dù che khuất, chẳng cho mặt trời chiếu vào. Như vậy thì chẳng có cách nào cả! Chuyện này tỷ dụ bên phía chúng sanh có chướng ngại, chứ phía Phật vĩnh viễn chẳng có chướng ngại. Chúng sanh có chướng ngại gì? Nghiệp chướng, như vậy là chẳng có cách nào hết! Nghiệp chướng nặng nề, chẳng tin tưởng Phật pháp, bài xích Phật pháp, Phật quang chẳng có cách nào chiếu tới người ấy. Người ấy tự gây chướng ngại. Kẻ nghiệp chướng nhẹ nhàng, tin Phật, nhưng chẳng chịu y giáo phụng hành, đức Phật dạy chúng ta làm như vậy, [chúng ta] khăng khăng chẳng chịu hành, đức Phật cũng chẳng thể gia trì kẻ ấy được! Tâm địa của chúng ta càng thanh tịnh, nói cách khác, nghiệp chướng càng mỏng, quý vị sẽ cảm nhận sự gia trì của Phật quang càng rõ rệt hơn. Xác thực là đối với phước lẫn huệ đều có sức gia trì rất lớn. Đây là sánh ví quang minh của Phật như ánh sáng tỏa từ núi Tu Di, thật sự là Phật quang vượt trời quang minh của núi Tu Di quá nhiều!

(Sao) Quang hữu nhị nghĩa, nhất giả Tu Di bảo thành, bảo năng phát quang, như Phật tịnh cực quang thông cố.

(鈔)光有二義，一者須彌寶成，寶能發光，如佛淨極光通故。

(Sao: Quang có hai nghĩa: Một là núi Tu Di do các chất báu hợp thành. Chất báu có thể tỏa sáng, như Phật tịnh cực, quang thông vậy).

“Tịnh cực quang thông” là một câu trong kinh Lăng Nghiêm, [nghĩa là] khi tâm chúng ta thanh tịnh cao độ, tâm quang và Phật quang bèn thông đạt, chẳng có chướng ngại.

(Sao) Nhị giả, Tu Di thể đại, quang minh diệc đại, như Phật quang minh vô lượng cố.

(鈔)二者須彌體大，光明亦大，如佛光明無量故。

(Sao: Hai là Tu Di có thể chất to lớn, quang minh cũng lớn, như quang minh của Phật vô lượng).

Núi Tu Di hết sức lớn, quang minh cũng lớn. Thật ra, quang minh của núi Tu Di có hạn lượng, quang minh của Phật xác thực là vô lượng.

Đến đây, đã giới thiệu cùng chư vị ý nghĩa trong danh hiệu của bốn vị Phật. Đó là cách biểu thị pháp thông thường. Trong Tịnh Tông, có ý nghĩa biểu thị pháp đặc biệt, chúng ta chớ nên không biết. Những Phật hiệu được nêu trong kinh Di Đà tất nhiên có mối quan hệ mật thiết đối với pháp môn này, chúng ta chớ nên nhìn theo cách biểu thị pháp thông thường rồi ngừng ở đó, phải quan sát ở một bước cao hơn. Quan sát cận kề, [sẽ thấy] ý nghĩa được bao hàm [trong những Phật hiệu ấy] hết sức sâu xa. Phương Đông biểu thị trí huệ; vì thế, thật sự là dạy chúng ta căn bản tu học của pháp môn. Không chỉ Tịnh Tông là như thế, mà tất cả hết thảy Đại Thừa Phật pháp đều chẳng ra ngoài lệ ấy. Phải như thế nào thì mới có thể tu học? Phải là từ bất động giác, quý vị sẽ có tư cách nhập Đại Thừa. Vì thế, vị Phật thứ nhất là A Súc Bệ Phật đã biểu thị: Chúng ta thường nói “*tám gió thổi chẳng động*”. Tám gió thổi chẳng động, có những kẻ tưởng công phu ấy lồi lạc lắm; thật ra, nó là công phu tối thiểu, là công phu ở mức độ thấp nhất. Trong pháp thế gian, đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, trọn chẳng bị chúng dao động. Cái tâm đã định, bất động, quý vị mới có thể tu đạo, mới có thể thành tựu.

Ông hội trưởng của Tân Gia Ba Tịnh Tông Học Hội là Lý cư sĩ (Lý Mộc Nguyên) đến thăm Đại Lục, có báo cáo với chúng ta ở đây. Cuộc sống tại đạo tràng Ngũ Đài Sơn hết sức kham khổ. Chúng ta thấy họ ăn chẳng ra ăn, mặc chẳng ra mặc, nhưng tặng tiền, tặng quần áo cho họ, họ chẳng tiếp nhận. Nói cách khác, chẳng bị dao động bởi những thứ ấy. Họ đề nghị, tặng băng thâu âm, tặng sách nhà Phật thì họ hoan nghênh. Họ nói đối với cơm áo đã hết sức thỏa mãn, chúng ta thường nói điều này là “*tám gió thổi chẳng động*”. Kẻ một mực truy cầu hưởng thụ vật chất, sẽ bị cảnh giới bên ngoài lay động, chẳng thể tu đạo! Không chỉ là chẳng bị pháp thế gian lay động, mà cũng chẳng bị Phật pháp lay động.

Trong Phật môn, tông phái rất nhiều, chúng ta đã lập chí nguyện chuyên tu Tịnh Độ, gặp những người học Thiền, học Mật, học Giáo, trì Luật, tâm chúng ta có bị lay động hay không? Vẫn là chẳng lay chuyển! Tán thán sự tu hành của họ, ta vẫn thật thà niệm Phật, trọn chẳng bị lay động, đó gọi là “*bất động giác*”. Điều kiện như vậy thì mới có tư cách tu học Đại Thừa, thâm nhập một môn. Học Tịnh bèn chuyên niệm A Di Đà Phật, học Thiền bèn chuyên môn tham cứu, học Mật bèn chuyên tâm trì chú, tuyệt đối chẳng bị các pháp môn khác mê hoặc, lay chuyển. Ở đây, A Súc Bệ Phật dạy chúng ta đạo lý này. Vì thế, danh hiệu được nêu ra ở

đây chẳng phải là có ý nghĩa nông cạn, mà là có đạo lý rất sâu trong ấy. Tịnh Độ là pháp Đại Thừa, tất cả hết thảy các pháp Đại Thừa đều cần phải có thái độ như vậy thì mới có thể tu hành. Nếu không, ngay cả bèn mảng ngoài rìa Đại Thừa Phật pháp cũng chẳng thể bèn mảng được. Đó là điều kiện cơ bản để nhập môn Đại Thừa.

Ba vị Phật tiếp đó biểu thị những điều mong cầu trong Phật pháp Đại Thừa. Chúng ta tu học Đại Thừa là tu gì? Tu Di Tướng Phật biểu thị Báo Thân, Đại Tu Di Phật biểu thị Pháp Thân, Tu Di Quang Phật biểu thị Ứng Hóa Thân. Đó là ba thân nơi quả địa Như Lai, chính là những điều chúng ta mong cầu. Báo Thân là thân do trí huệ tích tụ; đến khi trí huệ viên mãn, tướng ấy hiện tiền. Báo Thân có sanh, chẳng có diệt. Pháp Thân là bản thể, là Chân Như bản tánh, bất sanh, bất diệt. Ứng Hóa Thân lợi ích hết thảy chúng sanh, tùy loại hóa thân vô lượng vô biên. Kinh Hoa Nghiêm có nói “ngàn trăm ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật”. Một Thể ba thân chính là điều chúng ta mong cầu; chúng ta học Phật với hy vọng chúng đắc viên mãn Phật quả, viên mãn Phật quả là ba thân. Do vậy có thể biết, ý nghĩa này cũng nhằm biểu thị mục tiêu của tất cả hết thảy các pháp môn Đại Thừa. Bất động giác là điều kiện để nhập Đại Thừa, điều kiện như nhau. Nói cách khác, phương pháp và cách thức tu hành của chúng ta khác nhau; do vậy, có tám vạn bốn ngàn pháp môn, có vô lượng pháp môn. Vô lượng pháp môn đều là lấy ba thân làm mục tiêu tu học, đều dùng bất động giác làm điều kiện để nhập môn, biểu thị ý nghĩa này.

(Sớ) Diệu Âm giả, pháp âm viên diệu, thuyết pháp xưng cơ cố.

(疏)妙音者，法音圓妙，說法稱機故。

(Sớ: Diệu Âm: Pháp âm viên diệu, thuyết pháp xưng hợp căn cơ).

Vị Phật cuối cùng, đặc biệt là nói về pháp môn Tịnh Tông, chẳng phải là các pháp môn khác, phương pháp tu hành trong các pháp môn khác chẳng giống Tịnh Tông. Pháp môn Tịnh Tông dùng phương pháp gì để tu? Diệu Âm (Mañjuhōṣa): Diệu (妙) là chẳng thể nghĩ bàn. Vị Phật này biểu thị căn bản trong tu học của pháp môn Tịnh Tông. Diệu Âm là Phật hiệu, tức “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Nhất tâm xưng niệm, đọc tụng, vì người khác diễn nói Tịnh Độ năm kinh một luận, những âm thanh ấy đều là Diệu Âm. Do phương pháp này mà có thể thành tựu, có thể giúp quý vị chứng đắc “*một Thể, ba thân*”. Năm vị Phật ở phương

Đông bao hàm ý nghĩa sâu xa như vậy, chúng ta chớ nên không hiểu. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư chẳng nêu rõ ý nghĩa này; ở đây, tôi nêu bổ sung. “*Pháp âm viên diệu, thuyết pháp xưng cơ cố*” (Pháp âm viên diệu, do thuyết pháp xưng hợp căn cơ), đó là nói theo cách thông thường.

(Sao) Viên diệu giả, như Duy Ma kinh vân: “Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải”. Hựu vân: “U chúng ngôn âm, vi diệu đệ nhất”.

(鈔)圓妙者，如維摩經云：佛以一音演說法，眾生隨類各得解。又云：於眾言音，微妙第一。

(Sao: “Viên diệu” là như kinh Duy Ma đã nói: “Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều được hiểu”. Lại nói: “Trong các thứ ngôn ngữ, âm thanh, vi diệu bậc nhất”).

Câu này trích từ kinh Duy Ma, nói về “viên âm” chứng đắc nơi quả địa của Như Lai, Viên (圓) là viên mãn, Diệu (妙) là vi diệu. Đức Phật thuyết pháp, hết thấy chúng sanh chủng loại bất đồng, ngôn ngữ bất đồng, nhưng mỗi chúng sanh nghe đức Phật thuyết pháp đều nghe thấy Ngài đang sử dụng ngôn ngữ của chính họ để nói. Giống như trong hiện thời, Liên Hiệp Quốc họp hành nhất định phải sử dụng phiên dịch. Chẳng dùng phiên dịch sẽ chẳng nghe hiểu. Đức Phật thuyết pháp ở nơi đó, chẳng cần sử dụng phiên dịch, nhưng người mỗi nước đến nghe, họ đều nghe đức Phật nói bằng ngôn ngữ của chính họ, đều nghe rất thuận tai, đó là “viên âm”. Điều này hết sức kỳ diệu, rất chẳng thể nghĩ bàn. Có thể hay không? Thừa cùng chư vị, có thể! Hiện thời, computer dần dần đạt tới cảnh giới này. Trong tương lai, phiên dịch chẳng cần người phiên dịch, mà dùng computer để phiên dịch. Đức Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều được hiểu, computer có thể làm được. Do vậy có thể biết, đó là chân thật, chẳng phải là tỷ dụ. Đầu óc của Phật lợi hại hơn computer rất nhiều! Computer chẳng thể sánh bằng Ngài! Computer có thể phiên dịch ngôn ngữ của nhân loại, nhưng đối với ngôn ngữ của súc sanh và ngôn ngữ quý thần thì chẳng có cách nào! Đức Phật thuyết pháp, hết thấy quý thần đều nghe hiểu, tất cả súc sanh cũng nghe hiểu, âm thanh ấy mới thật sự là âm thanh viên mãn. “*U chúng ngôn âm, vi diệu đệ nhất*” (Trong các thứ ngôn ngữ, âm thanh, vi diệu bậc nhất). Trong phần trên đã nói “*tướng hảo trăm phước*”, hết

thấy mọi người chẳng thể sánh bằng, phước báo của Ngài quá lớn. Phước do đâu mà có? Phước do chính mình tu được!

(Sớ) Như thị đẳng giả, đa nan tất cử, thả cử ngũ Phật, dĩ đẳng nhiếp chi. Hằng hà diệc vân Cãng Già hà, sa giả dụ đa dã.

(Sao) Hằng hà tại Tây Vực Vô Nhiệt Trì trác. Hương Sơn đỉnh thượng, hữu Vô Nhiệt Nã trì, lưu xuất tứ hà. Hằng hà tại Nam, quảng tứ thập lý, sa trực thủy lưu, chí vi vi tế. Phật cận bỉ hà thuyết pháp, cố phạm ngôn đa, thường thủ vi dụ. Minh Đông phương đa Phật, như Hằng hà trung sở hữu sa số dã. Nhược cứ Pháp Hoa nhất trần nhất kiếp chi dụ, tắc Hằng hà giả do vi chí thiểu. Kim cử Hằng sa, ý thật vô tận cố. Đại Bản vân: Vô lượng vô số bất khả tư nghị vô hữu đẳng đẳng vô biên thế giới, chư Phật gia lai, giai cộng tán thán A Di Đà Phật sở hữu công đức, tắc Hằng sa vị túc dĩ tận chi dã!

(疏)如是等者，多難悉舉，且舉五佛，以等攝之，恆河亦云殞伽河，沙者喻多也。

(鈔)恆河在西域無熱池側。香山頂上。有無熱惱池。流出四河。恆河在南。廣四十里。沙逐水流。至為微細。佛近彼河說法。故凡言多。常取為喻。明東方多佛。如恆河中所有沙數也。若據法華一塵一劫之喻。則恆河者猶為至少。今舉恆沙。意實無盡故。大本云。無量無數不可思議無有等等無邊世界。諸佛加來。皆共讚歎阿彌陀佛所有功德。則恆沙未足以盡之也。

(Sớ: “Như thị đẳng” (Như thế đó), ý nói nhiều đến nỗi khó thể nêu trọn, đành nêu ra năm vị Phật, dùng chữ “đẳng” để chỉ tất cả các vị Phật còn lại. Hằng Hà còn gọi là Cãng Già Hà. “Cát” là sánh ví đông nhiều.

Sao: Hằng hà ở bên cạnh ao Vô Nhiệt bên Tây Vực. Trên đỉnh Hương Sơn có ao Vô Nhiệt Nã, là nơi phát nguồn của bốn con sông. Sông Hằng ở phía Nam, rộng bốn mươi dặm, cát cuốn theo dòng nước, hết sức mịn nhuyễn. Đức Phật thuyết pháp ở gần sông ấy, cho nên kể nói đến điều gì nhiều, thường dùng cát sông Hằng để tỷ dụ. [Đoạn kinh văn

này nhằm] nói rõ phương Đông có nhiều vị Phật, [sánh ví số lượng ấy] như tất cả số lượng cát trong sông Hằng. Nếu xét theo kinh Pháp Hoa đã dùng tỷ dụ cứ một hạt vi trần là một kiếp thì [cát] sông Hằng vẫn là rất ít. Nay nói là cát sông Hằng, ý nghĩa thật sự là vô tận. Kinh Đại Bản nói chư Phật Như Lai từ vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn chẳng có gì sánh bằng vô biên thế giới đều đến gia trì, đều cùng tán thán tất cả công đức của A Di Đà Phật, như vậy thì cát sông Hằng chẳng đủ để nêu trọn hết [số lượng ấy]).

Phương Đông không chỉ có năm vị Phật ấy. Chư Phật chẳng biết là có bao nhiêu vị giống như năm vị Phật ấy. “Đa nan tất cử” (Nhiều đến nỗi khó thể nêu trọn), quá ư là nhiều, chẳng thể kê trọn hết! Trong kinh Phật, mỗi khi nói đến số lượng nhiều, đều dùng “Hằng hà sa” (cát sông Hằng) để hình dung, nhằm sánh ví số lượng quá nhiều, chẳng có cách nào tính toán. Ý nói, chư Phật ở phương Đông cũng là vô lượng vô biên. Trong phần Sao dưới đó có nói về sông Hằng. Quả thật cát sông Hằng rất mịn, mịn như bột mì vậy!

(Sớ) Dĩ thượng Phật danh, Linh Chi vân: “Tương truyền bất thích, diệc hữu thích giả, hoặc thủ nhân, hoặc thủ quả, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc bi, trí, hạnh nguyện đẳng, diệc vô ngại cố”.

(疏)以上佛名，靈芝云：相傳不釋，亦有釋者，或取因或取果，或性或相，或悲智行願等，亦無礙故。

(Sớ: Đối với những danh hiệu Phật trên đây, ngài Linh Chi nói: “Tương truyền là chẳng giải thích. Cũng có người giải thích thì hoặc là dựa theo nhân, hoặc căn cứ theo quả, hoặc nói theo tánh, hoặc nói theo tướng, hoặc bi, trí, hạnh nguyện v.v... cũng chẳng trở ngại gì”).

“Thích” (釋) là giải thích. Thời cổ, người giảng kinh khi giảng đến danh hiệu Phật bèn chẳng giải thích, [ngụ ý] dùng tâm chân thành cung kính đề niệm, chẳng giảng giải. Cũng có vị chú giải, như trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã chú giải, nêu ra ý nghĩa. Đối với chuyện giải thích danh hiệu Phật, có rất nhiều cách nói, ở đây là nêu ra mấy trường hợp: Có vị nói theo nhân, có vị nói theo quả, có vị nói theo tánh, có vị nói theo tướng, hoặc là nói theo bi nguyện, trí huệ, các thứ phương diện tu hành. Nói theo những cách khác nhau, nhưng đều chẳng nói sai.

Tôi giải thích [danh hiệu chư Phật trong kinh Di Đà] cùng mọi người cũng là nói theo phương diện biểu thị pháp. Đại ý biểu thị pháp của sáu phương Phật, trong quá khứ, khi giảng diễn bộ Di Đà Yếu Giải, tôi đã nói cặn kẽ, tài liệu tham khảo cho đoạn này được in vào sau quyển kinh (trang bảy trăm). Cách giảng của tôi đối với sáu phương Phật cũng chẳng giống Liên Trì đại sư và Ngẫu Ích đại sư, hoàn toàn dựa theo phương diện biểu thị pháp trong Tịnh Tông để nói.

(Sao) *Bất thích giả, dĩ Phật cụ vạn đức, bất khả dĩ nhất đức xưng cố.*

(鈔)不釋者，以佛具萬德，不可以一德稱故。

(Sao: *Chẳng giải thích là vì đức Phật có vạn đức, chẳng thể dùng một đức để ca ngợi được.*)

“*Bất thích*” là chẳng giải thích. Phật là vạn đức vạn năng, danh hiệu cũng là vạn đức vạn năng, ý nghĩa chẳng có cùng tận, nói theo kiểu nào đây? Đây là nguyên nhân chẳng giải thích.

(Sao) *Diệc hữu thích giả, dĩ Phật đức dung thông vô tận, diệc khả dĩ nhất nhiếp vạn, thiên cử nhất đức, tức bị chúng đức cố.*

(鈔)亦有釋者，以佛德融通無盡，亦可以一攝萬，偏舉一德，即備眾德故。

(Sao: “*Cũng có khi giải thích*”: *Do Phật đức dung thông vô tận, cũng có thể dùng một đức để nhiếp vạn đức. Riêng nêu ra một đức bên trên đủ các đức.*)

Giáo pháp Đại Thừa thường nói “*vạn pháp quy nhất*”, vạn pháp đã quy nhất thì “*một*” có thể nói, chứ vạn pháp khó nói. Nói “*một*” thì “*một*” là vạn pháp. Nói rõ [danh hiệu Phật] có thể giải thích [bằng cách giảng rõ một đức].

(Sao) *Cố cử nhân tắc cai quả hải, cử quả tắc triệt nhân nguyên.*

(鈔)故舉因則該果海，舉果則徹因源。

(Sao: *Vì thế, nói nhân sẽ bao trùm biển quả, nêu quả sẽ thấu triệt nguồn nhân.*)

Nói theo nhân, nhân nhất định bao gồm quả. Nói theo quả, quả nhất định bao gồm nhân. “*Nhân cai quả hải, quả triệt nhân nguyên*” (Nhân bao trùm biên quả, quả thấu triệt nguồn nhân), khiến cho chúng ta từ một ý nghĩa bèn suy rộng đến vô tận nghĩa lý. Đó là khéo hiểu.

(Sao) Vô hữu trí nhi bất bi, bi nhi bất trí.

(鈔)無有智而不悲，悲而不智。

(Sao: Chẳng có chuyện “có trí mà chẳng có bi” hoặc “có bi mà chẳng có trí”).

Bi và trí là một Thể, người có bi tâm sẽ sanh trí huệ. Bi tâm là thương xót hết thấy chúng sanh, mong giúp đỡ hết thấy chúng sanh. Người chỉ cần chẳng có tự tư tự lợi, trí huệ liền hiện tiền. Do đạo lý nào? Vì quan niệm tự tư tự lợi chính là nghiệp chướng, là chướng ngại, ngăn trở trí huệ của quý vị. Ta chẳng có tự tư tự lợi, hết thấy đều có thể lợi ích chúng sanh; chính mình chẳng còn chướng ngại nữa, trí huệ bèn thấu lộ, đạo lý là như vậy đó. Trí huệ quang minh trong tâm tánh của chính mình thấu lộ ra ngoài, lại được quang minh của chư Phật và thiện thần gia trì, nên lòng bi càng nặng, trí huệ càng to, đạo lý ở chỗ này. Càng ích kỷ, trí huệ càng chẳng có, [đức năng trong tâm tánh của] chính mình cũng chẳng thấu lộ được, mà Phật quang cũng chẳng gia trì được! Đó là chân tướng sự thật. Vì thế, người có lòng bi nhất định có trí, người có trí nhất định là có lòng bi.

(Sao) Vô hữu hành phi nguyện khởi, nguyện bất hạnh thành.

(鈔)無有行非願起，願不行成。

(Sao: Chẳng có chuyện khởi hạnh mà chẳng do nguyện, hoặc nguyện chẳng có hành mà vẫn thành tựu).

Người đã có nguyện, nhất định sẽ có hành động. Thật sự tu hành, tất nhiên là có tín nguyện. Thấy đều là do liên khởi với nhau, bất luận nói theo phương diện nào, ý nghĩa đều có thể thông đạt rất sâu, rất rộng. Dưới đây, nêu lên mấy thí dụ:

(Sao) Như Nghiêu nhân, Thuần hiếu, Vũ kiệm, Thang khoan, diệc hồ cụ cố.

(鈔)如堯仁舜孝，禹儉湯寬，亦互具故。

(Sao: Như vua Nghiêu nổi tiếng là nhân, vua Thuấn có tiếng là hiếu, vua Đại Vũ được tiếng tiết kiệm, vua Thành Thang có tiếng khoan dung, [tuy vậy, mỗi vua] cũng đều là trọn đủ các đức).

Đây là cổ thánh tiên hiền của Trung Hoa. Vua Nghiêu nhân từ, vua Thuấn hiếu thuận, Đại Vũ² tiết kiệm, vua Thang khoan hậu. Trong lịch sử Trung Hoa, bốn vị này đều là đại thánh nhân. Vua Nghiêu nhân từ, nhưng Ngài cũng hiếu thuận, cũng tiết kiệm, cũng khoan dung, đều trọn đủ. Do một đức hạnh nào đó của Ngài đặc biệt hiển nhiên, nên người đời sau đặc biệt tôn sùng, chính là vì đạo lý này, trọn chẳng phải là Ngài không có những đức hạnh khác, thầy đều trọn đủ!

(Sớ) Xứng Lý, tác tự tánh trí huệ bất khả tận, thị Đông phương hằng sa Phật nghĩa.

(疏)稱理，則自性智慧不可盡，是東方恆沙佛義。

(Sớ: Xứng Lý thì trí huệ trong tự tánh chẳng thể cùng tận, đó là ý nghĩa phương Đông có hằng sa chư Phật).

Trong phần trước là nói theo sự tướng, mà cũng là nói theo đức dụng; còn trong phần sau, trong đoạn này, nói tương xứng với tánh. Nếu nói xứng tánh, “*tự tánh trí huệ bất khả tận*”: Trí huệ chẳng phải do từ bên ngoài mà có, nó vốn sẵn có trong tự tánh. Khi thành Phật, đức Phật đã bảo chúng ta: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của*

² Đại Vũ tên thật là Tự Văn Mạng. Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên, ông là cháu năm đời của Hoàng Đế, là con trai của ông Cồn (con trai út của Chuyên Húc). Vua Nghiêu đã phong cho Cồn đất phong gần Tung Sơn. Ông Cồn được giao nhiệm vụ trị thủy (ngăn ngừa lũ lụt), nhưng thất bại, nên bị vua Thuấn xử tử. Khi trưởng thành, Vũ tiếp tục công việc của cha và trị thủy thành công sau suốt mười ba năm không ngừng nỗ lực. Do vậy, có rất nhiều truyền thuyết về Đại Vũ, như truyền thuyết Đại Vũ đã cắt ngang sườn núi bằng một nhát rìu, tạo thành Tam Môn Hiệp ở đầu sông Dương Tử. Vua Thuấn đã truyền ngôi cho ông, và ông trở thành hoàng đế lúc năm mươi ba tuổi, đóng đô tại An Ấp (nay là huyện Hạ, tỉnh Sơn Tây), lập ra nhà Hạ. Ông là người đầu tiên đã chia Trung Nguyên thành chín châu và cho đức cửu đỉnh nhằm xác lập vương quyền của hoàng đế. Khi con ông lên nối ngôi đã đổi họ thành Hạ và xưng là Hạ Hậu Khải; do đó, sử thường gọi thị tộc Hạ là Hạ Hậu Thị. Nhà Hạ truyền đến đời Lý Quý (Hạ Kiệt) thì do vua vô đạo, u mê, nên bị Thành Thang diệt trừ, lập ra nhà Thương.

Như Lai”, nói rõ mỗi người chúng ta đều trọn đủ vô tận trí huệ của Như Lai. Kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác đều nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, trong tương lai chúng ta tu hành thành Phật, thành Phật là đạt được gì? Thứ gì cũng đều chẳng đạt được! Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: “*Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*” (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được). Vì sao? Những gì quý vị đạt được thấy đều vốn sẵn có trong tự tánh, hoàn toàn chẳng phải là từ ngoài tự tánh bên có thể đạt được chút gì! Chẳng có! Hoàn toàn vốn sẵn có! Đó là chân tướng sự thật.

Nay chúng ta gặp nan đề này: Vốn có, nhưng chúng ta chẳng thể tự mình hưởng thụ được! Vốn có vô tận trí huệ, nay chúng ta biến thành “*điều gì cũng chẳng biết*”, ngu mê, đánh mất trí huệ vốn sẵn có. Đối với sự mất mát ấy, trong kinh, đức Phật cũng thường nói: Chẳng phải là thật sự mất đi. Nếu thật sự mất đi, há còn có thể khôi phục ư? Đức Phật bảo chúng ta: Sự mất mát ấy được gọi là “*mê mất*”, chẳng phải là thật sự mất mát! “*Mê mất*” tức là tuy có, nó chẳng khởi tác dụng; chuyện là như vậy đó, chẳng phải là thật sự mất đi. Khi nào giác ngộ, tác dụng ấy lập tức hiện tiền, sẽ lập tức thọ dụng. Vì thế, phàm phu và Phật là do mê hay ngộ. Mê tự tánh thì là phàm phu, ngộ tự tánh là Phật, hoặc là Bồ Tát. Phàm phu và Phật sai khác ở chỗ này. Tự tánh bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, vĩnh viễn là thường trụ. Đức Phật mong chúng ta khôi phục tự tánh, mục tiêu tối chung cực của Phật giáo cũng là điều này!

(Sao) Đông phương nghĩa kiến tiền giải.

(鈔)東方義見前解。

(Sao: Xem lời giải thích trong phần trước về ý nghĩa của phương Đông).

Phương Đông biểu thị ý nghĩa trí huệ.

(Sao) Hữu hình chi vật khả tận, trí huệ bất khả tận.

(鈔)有形之物可盡，智慧不可盡。

(Sao: Vật hữu hình có thể tận, trí huệ chẳng thể tận).

“*Hữu hình chi vật khả tận*” (Vật hữu hình có thể cùng tận): Phàm là có hình tướng, như hư không pháp giới, dầu lớn đến đâu đi nữa, dầu

nhiều đến mấy đi nữa, đều có cùng tận. “*Trí huệ bất khả tận*” (Trí huệ chẳng thể tận): Trí huệ là vô hình. Vô hình, vô tướng, vốn sẵn đầy đủ trong tự tánh. Lục Tổ nói rất hay: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ; nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp*”. Hết thấy vạn pháp để ta thọ dụng, vạn pháp do đâu mà có? Sanh từ tự tánh, làm sao có khiếm khuyết cho được? Chẳng thể khiếm khuyết! Nhưng kẻ chẳng kiến tánh, người mê mất tự tánh, sẽ chẳng thể thọ dụng đức năng vốn sẵn có, biến thành khiếm khuyết. Nhưng muốn khôi phục tự tánh thì nói dễ lắm, làm thật khó! Đức Phật dạy chúng ta, phiền não có ba tầng, ba tầng phiền não đều đoạn hết, Tánh Đức mới hiện tiền. Đoạn Kiến Tư phiền não, chứng quả A La Hán, vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng còn đọa lạc, chẳng còn bị luân chuyển nữa. Phá trừ Trần Sa phiền não, trí huệ mới hiện tiền. Phá một phẩm vô minh, mới thấy Chân Như bản tánh. Khi ấy, vô tận trí huệ và vô tận phước đức trong Tánh Đức hiện tiền, bèn có thể hưởng thụ.

Khi nào chúng ta có thể đoạn phiền não? Khi nào có thể phá vô minh? Quá khó! Đúng là chẳng có hy vọng! Trong tình huống ấy, chúng ta chẳng thể không nương cậy A Di Đà Phật. A Di Đà Phật giúp đỡ chúng ta rất lớn: Chẳng cần đoạn phiền não mà cũng có thể hưởng thụ Tánh Đức. Điều này chẳng thể nghĩ bàn, cho nên [pháp môn này] được gọi là “*pháp khó tin*”. Trong tất cả hết thấy các kinh luận đều chẳng có cách nói này, trong các cõi nước của mười phương chư Phật cũng chẳng có hiện tượng này, chỉ riêng thế giới Tây Phương là đặc biệt.

Thế giới Tây Phương đặc biệt ở chỗ nào? Chúng ta tới đó là đời nghiệp vãng sanh, chẳng đoạn một phẩm Kiến Tư phiền não nào mà có thể đến đó! Chỉ cần tín, nguyện, trì danh, phải là tín chân thật, nguyện thiết tha, những thứ tạp nham vướng mắc khác trong tâm thấy đều bỏ sạch, chỉ có A Di Đà Phật, quý vị quyết định vãng sanh. Sanh về thế giới Tây Phương, ba kinh đã nói rất rõ ràng: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương do Tánh Đức biến hiện. Sự phú quý ấy có thể nói là chẳng hai, chẳng khác Tỳ Lô Giá Na Phật trong kinh Hoa Nghiêm, tức là hưởng thụ sự phú quý nơi quả địa Như Lai.

Nói thật ra, đấy chẳng phải là do năng lực của chính mình. Nếu do năng lực của chính mình mà đạt tới cảnh giới này, mức độ thấp nhất cũng là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, cũng là đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Đấy là do Pháp Thân biến hiện thì quý vị mới có sự hưởng thụ ấy. Hưởng chỉ sự hưởng thụ trong thế giới Tây Phương quyết định chẳng phải là cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo [mà hòng đạt được;

bồi lễ] năng lực và trí huệ [của người trong cõi Cực Lạc] to hơn bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo quá nhiều. Kinh lại dạy chúng ta: Vãng sanh thế giới Tây Phương đều là A Bệ Bạt Trí. A Bệ Bạt Trí là Bồ Tát từ Thất Địa trở lên, cao hơn bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo quá nhiều! Do vậy, hưởng thụ như vậy đó. Vì sao có thể hưởng thụ như vậy? Chẳng phải là do Tánh Đức của chính chúng ta lưu lộ, mà là cảnh giới được biến hiện từ Tánh Đức của A Di Đà Phật để cho chúng ta hưởng thụ, một mực bồi dưỡng, dẫn dắt chúng ta đạt đến mức độ tự tánh của chúng ta lưu lộ giống như Ngài mới thôi. Trong các thế giới phương khác chẳng có điều này!

Chúng ta hiểu đạo lý này, hiểu sự thật này, thì mới có thể khẳng định một mực niệm câu Phật hiệu đến cùng, quyết định tranh thủ [Tịnh Độ] trong một đời này. Chư vị nhất định phải hiểu: Trong thế gian, hết thảy đều là giả. Kinh Kim Cang dạy chúng ta: “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, do mê hoặc trong ấy bèn tạo tác hết thảy tội nghiệp, chẳng đáng! Đó là chính quý vị đang tạo tác luân hồi, chính mình hứng chịu những nghiệp báo ấy. Từ vô lượng kiếp trong đời quá khứ, chúng ta chẳng hiểu rõ chuyện này, đời đời kiếp kiếp phải luân hồi! Đời này đúng là may mắn to lớn, quá sức may mắn, chúng ta gặp gỡ nhân duyên vô thượng này, gặp gỡ Phật pháp, gặp được Tịnh Tông, gặp được bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, gặp sách Yêu Giải của Ngẫu Ích đại sư, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch chuyện này. Chỉ cần nắm chặt cơ duyên này, trong một đời này, quyết định đắc độ. Đó chính là người thật sự thông minh, thật sự có trí huệ.

Thời gian trong một đời chúng ta rất ngắn ngủi, tạm bợ, hãy bỏ qua hết thảy, sống cuộc đời kham khổ một chút, trong khoảng chớp mắt bèn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện này đáng giá lắm! Những người tu hành bên Đại Lục chịu khổ, chịu khó, chuyên tâm chánh niệm, đó là khuôn mẫu, điển hình cho chúng ta. Ở đây, chúng ta hãy lắng lòng quan sát, những người ấy trong tương lai ai nấy đều thành tựu. Giống như trong Niệm Phật Đường của Viên công tại Lư Sơn xưa kia, một trăm hai mươi ba người thảy đều vãng sanh. Thiện Đạo đại sư bảo điều này là do “*gặp duyên khác nhau*”, nay chúng ta gặp duyên thù thắng, thù thắng khôn sánh! Vấn đề hiện thời là chính mình có thiện căn, phước đức hay không? Thiện căn là tín giải, nghe xong sẽ thật sự tin tưởng, thật sự hiểu rõ, thật sự nghe hiểu, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Hạ quyết tâm cầu sanh Tịnh Độ. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta “*một mực chuyên niệm*”, đó là đại phước đức, quyết định thành tựu.

(Sao) Ngoại cầu trí huệ khả tận, tự tánh trí huệ bất khả tận.

(鈔)外求智慧可盡，自性智慧不可盡。

(Sao: Trí huệ cầu từ bên ngoài có thể tận, trí huệ trong tự tánh chẳng thể tận).

Hai câu này hết sức trọng yếu. Hiểu đạo lý này, người thích thâm nhập kinh tạng sẽ có thể buông xuống vọng tưởng, vì sao? Thâm nhập kinh tạng là “ngoại cầu trí huệ”. Gặp một vị thiện tri thức thật sự cao minh, một vị thầy tốt, có thể cầu từ bên ngoài để đạt được một chút trí huệ. Nếu chẳng gặp thiện tri thức thật sự, “ngoại cầu” thường biến thành tà tri, tà kiến, sai lầm đặc biệt to lớn! Vì thế, cầu từ bên ngoài chẳng bằng hướng vào trong để cầu. Độ chúng sanh, chúng sanh vô lượng vô biên, căn tánh của chúng sanh lại là vô lượng vô biên. Muốn độ trọn hết thầy chúng sanh, nhất định là phải thông đạt vô lượng pháp môn. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta trình tự tu hành, theo thứ tự bèn có “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Vì sao? Chẳng có vô lượng pháp môn, sẽ chẳng thể độ vô lượng chúng sanh.

Nếu không phát tâm độ vô lượng chúng sanh, đây chẳng phải là Đại Thừa Bồ Tát. Nói cách khác, quý vị cũng chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ là pháp môn Đại Thừa, nhất định phải phát cái tâm này. Điều thứ nhất trong Tứ Hoàng Thế Nguyện là bảo quý vị hãy phát [thế nguyện] “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, quý vị phải phát tâm! Đã phát tâm, tâm bèn giống như tâm Bồ Tát, nhưng chẳng có bản lãnh, không chỉ chẳng thể độ chúng sanh, mà còn thường bị chúng sanh kéo đi theo! Đó là vì chính mình chẳng có bản lãnh. Do vậy, nhất định phải phát tâm tu hành.

Tu hành là tu từ chỗ nào? Trước hết, phải đoạn phiền não. “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Nếu chẳng đoạn phiền não, quý vị học ngay vào pháp môn, sai mất rồi. Trong Phật môn có một tỷ dụ: Giống như cái chén trà này, trước kia đựng độc dược. Tuy đã đổ độc dược đi, chẳng đổ hết sạch, hãy còn có một tí trong ấy. Chúng ta dùng cái chén ấy để đựng Đê Hồ. Đê Hồ là thức uống dinh dưỡng tốt nhất, đem chứa trong đó, Đê Hồ cũng biến thành độc dược! Đó là sánh ví Đê Hồ như Phật pháp, chất độc là Tam Độc tham, sân, si. Tam Độc chẳng hoàn toàn đoạn hết, mà tiếp nhận tất cả Phật pháp, Phật pháp cũng biến thành độc dược.

Điều này nói rõ vì sao trước hết là phải đoạn phiền não, trước hết là phải gột sạch tham, sân, si, gột sạch sanh sanh, sau đấy mới lại tiếp nhận Phật pháp. Đoạn hết phiền não, lại tiến nhập trình tự kế tiếp: “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Người hiện thời mắc cái tật “dùng cái chén đã đựng độc được để tiếp nhận Đê Hồ”. Vì thế, tu học đầu chịu khó, chịu khổ, tinh tấn cách mấy, vẫn chẳng thể thành tựu! Chúng ta nhất định phải tìm được nguyên nhân khiến cho chính mình chẳng thể thành tựu thì mới biết tánh chất trọng yếu của việc đoạn phiền não.

Tôi thường khuyên đại chúng: Chúng ta chia Tứ Hoảng Thế Nguyện thành hai giai đoạn để tu: Trong một đời này, chúng ta chỉ tu phát đại nguyện “*độ chúng sanh*”, thật sự niệm Phật hồng “*đoạn phiền não*”. Trong đời này, chúng ta chỉ làm hai công tác ấy; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy A Di Đà Phật, chúng ta lại hoàn thành hai chuyện thuộc phần sau. “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” là đến học ở nơi đâu? Đến học trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thành Phật đạo cũng là chuyện tự nhiên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Làm như vậy, trong một đời này, chúng ta sẽ thấy đều viên mãn.

Nếu trong giai đoạn hiện thời mà thâm nhập kinh tạng, học rộng nghe nhiều, chẳng đoạn phiền não, tâm niệm Phật sẽ chẳng thể chuyên! Nói cách khác, trong tương lai, chẳng thể vãng sanh, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, lại sai mất rồi! Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, chẳng biết chúng ta đã làm lỗi bao nhiêu lần! Đời này vẫn giống y hết đời quá khứ, vẫn phạm lỗi lầm, [vậy là] làm lỗi quá to. Trong quá khứ, đã phạm quá nhiều lầm lỗi, hy vọng đời này chẳng sai lầm nữa, thật thà niệm Phật, đó là chuyện khẩn yếu! Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, quyết định chẳng cầu tiếng tăm, lợi dưỡng trong hiện tiền, chẳng cầu hưởng thụ ngũ dục trong hiện tiền. Vì sao? Hưởng thụ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, sẽ khiến cho chúng ta sanh khởi tâm lưu luyến đối với thế giới khổ nạn này, cũng có nghĩa là ý niệm vãng sanh chẳng chân thật, chẳng thiết tha.

Trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật dạy chúng ta: “*Lấy khổ làm thầy*” rất có lý. “*Lấy giới làm thầy*”, “*giới*” là vãng giữ pháp tắc. Phải tuân thủ những phương pháp do đức Phật đã dạy, quyết định chớ nên vi phạm. “*Lấy khổ làm thầy*”: Hoàn cảnh sống kham khổ một chút, được lắm, chẳng lưu luyến thế gian này. Khi chúng ta lâm chung, khi vãng sanh, sẽ chẳng có chướng ngại. Người thật sự giác ngộ, biết cách thực hiện như thế nào. Vì thế, dốc toàn bộ tinh thần vào kinh giáo, nếu chẳng thể thành tựu, đó là tổn thất rất lớn. Thành tựu nơi kinh giáo hết sức khó khăn, đây chẳng phải là chuyện [có thể hoàn thành] trong một đời một

kiếp được! Trước kia, thầy Lý dạy học tại Đài Trung cũng thường nói: Những vị thiện tri thức chẳng phải là trong một đời, mà là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã làm công tác hoằng pháp lợi sanh. Họ có túc căn ấy, cho nên có thể học, thành tựu dễ dàng. Trong đời quá khứ mà chẳng có túc căn ấy, khó lắm! Dầu gặp bậc cao thủ hạng nhất, người ấy vẫn chẳng dễ gì thành tựu. Chúng ta phải hiểu rõ những điều này! Vì thế, nếu thật sự muốn thông Tông, thông Giáo, học rộng, nghe nhiều, phổ độ chúng sanh, phương pháp thông minh nhất là phải tới Tây Phương Cực Lạc thế giới trước đã, gặp gỡ A Di Đà Phật, học thành một thân trí huệ, đức năng, lại trở vào mười phương thế giới hồng phổ độ chúng sanh hữu duyên. Đó là con đường thích đáng nhất, là sự chọn lựa thông minh nhất.

Đấy là nói về sự khác biệt giữa cầu trí huệ từ bên ngoài và cầu trí huệ từ bên trong. Chúng ta nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, thì “*tự tánh trí huệ bất khả tận*”. Nay quý vị làm như thế, chư Phật Như Lai sẽ tán thán quý vị, trí huệ trong tự tánh của quý vị chẳng thể tận, quý vị sẽ giống như Văn Thù, Phổ Hiền. Nếu chẳng phải là trí huệ chân thật, sẽ không thể chọn lựa Tịnh Độ, sẽ không thể nghiêm túc tu hành. Do vậy, pháp môn bày ở ngay trước mặt, có sao công phu chẳng đặc lực? Do chẳng có trí huệ chân thật, nghiệp chướng sâu nặng, tín tâm chẳng sanh khởi, nguyện tâm chẳng sanh khởi, khó niệm tốt đẹp câu Phật hiệu được, niệm chẳng suông sẻ, đó là nghiệp chướng.

(Sao) *Viết Hằng sa giả, diệt thiểu phần dụ nhĩ.*

(鈔)曰恆沙者，亦少分喻耳。

(Sao: Nói là “*nư cát sông Hằng*” thì cũng là sánh ví chút phần).

Kinh nói “*Hằng hà sa số*” (nhiều như số cát trong sông Hằng); thật ra, số cát trong sông Hằng chẳng nhiều, có thể tính toán rõ ràng, tính trọn hết. Dùng cát sông Hằng làm tỷ dụ, người thế gian thoát trông bèn nghĩ rất nhiều, đó là bất đắc dĩ dùng chuyện này làm tỷ dụ. Trên thực tế, Hằng hà sa lân Hằng hà sa cũng chẳng có cách nào tỷ dụ, quý vị mới biết công đức và trí huệ trong tự tánh thật sự là chẳng thể cùng tận, thật sự là vô lượng vô biên.

(Sao) *Sở dĩ đạo: Tận tư cộng độ lượng, bất năng trắc Phật trí.*

(鈔)所以道盡思共度量，不能測佛智。

(*Sao*: Cho nên nói: “Suy nghĩ trọn hết, cùng nhau tính lường, chẳng thể dò lường Phật trí”).

“*Sở dĩ đạo*” là cho nên nói, “*tận tư cộng độ lường*”: Tất cả hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới, tận hết sức suy tưởng, cùng nhau tính lường, cũng chẳng có cách nào hiểu rõ trí huệ đức Phật, mà cũng chẳng có cách nào biết. Đó là hình dung tột bậc trí huệ và đức năng trong tự tánh thật sự là vô lượng vô biên. Nhưng chư vị phải ghi nhớ, vô tận trí huệ và đức năng là thứ bản thân chúng ta vốn sẵn có, chẳng phải là chỉ riêng Phật hoặc Bồ Tát mới có. Mỗi người chúng ta đều có! Chỉ cần trừ bỏ chướng ngại, trí huệ và đức năng liền hiển lộ. Chư Phật Như Lai xóa sạch hết thảy chướng ngại, hoàn toàn hiển lộ. Trí huệ và đức năng của chúng ta bị phiền não, vọng tưởng, và chấp trước chướng ngại, tuy có mà chẳng thể hiện tiền, chẳng thể thọ dụng. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta, chẳng có gì khác, nhằm dạy chúng ta biết đạo lý này, biết chân tướng sự thật; trừ khử chướng ngại là chuyện của chính mình, người khác chẳng giúp được. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mở đầu vẫn là chính mình phải đổ công dốc sức, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật bèn giúp đỡ. Chẳng đến thế giới Tây Phương, A Di Đà Phật chẳng thể giúp đỡ được. Công phu niệm Phật của chúng ta thành tựu, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta vãng sanh, đó là sự giúp đỡ của A Di Đà Phật trong một đời này. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sẽ giúp đỡ hoàn toàn, Ngài hoàn toàn đảm trách. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này.